

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC MÔN CÔNG NGHỆ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Lớp	Giáo viên dạy	Số số	Kết quả kiểm tra học kỳ 1											Điểm trung bình môn học học kỳ 1										HS không có KQĐG			
				Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp	Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	
1	10D	Vũ Thị Hoài Anh	42	42	38	90.48	4	9.52					42	100	8.64	42	41	97.62	1	2.38					42	100	8.44	
2	10E	Vũ Thị Hoài Anh	42	42	38	90.48	4	9.52					42	100	8.53	42	41	97.62	1	2.38					42	100	8.48	
3	10G	Vũ Thị Hoài Anh	40	39	36	92.31	3	7.69					39	100	9.08	39	36	92.31	3	7.69					39	100	8.64	
4	10H	Vũ Thị Hoài Anh	42	42	39	92.86	3	7.14					42	100	8.4	42	34	80.95	8	19.05					42	100	8.21	
5		Khối 10	166	165	151	91.52	14	8.48					165	100	8.65	165	152	92.12	13	7.88					165	100	8.44	
6	11H	Vũ Thị Hoài Anh	46	45	45	100							45	100	8.65	45	44	97.78	1	2.22					45	100	8.49	
7		Khối 11	46	45	45	100							45	100	8.65	45	44	97.78	1	2.22					45	100	8.49	
8	12D	Nguyễn Thị Thơi	42	42	29	69.05	13	30.95					42	100	8.18	42	42	100							42	100	8.58	
9	12E	Nguyễn Thị Thơi	41	41	22	53.66	19	46.34					41	100	7.92	41	39	95.12	2	4.88					41	100	8.44	
10	12G	Nguyễn Thị Thơi	43	43	15	34.88	28	65.12					43	100	7.72	43	35	81.4	8	18.6					43	100	8.25	
11	12H	Vũ Thị Hoài Anh	43	43	43	100							43	100	9.21	43	43	100							43	100	9.03	
12		Khối 12	169	169	109	64.5	60	35.5					169	100	8.26	169	159	94.08	10	5.92					169	100	8.58	
13		Toàn trường	381	379	305	80.47	74	19.53					379	100	8.48	379	355	93.67	24	6.33					379	100	8.51	